

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 118/2021/HC-PT

Ngày: 17 - 3 - 2021

V/v “*kiếu kiện quyết định hành
chính thu hồi, bồi thường về đất*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Cường

Các Thẩm phán: Ông Vũ Thanh Liêm

Ông Nguyễn Tấn Trường

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Bùi Thị Hồng Phượng - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:* Ông Quách Đức Dũng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 106/2020/TLPT-HC ngày 09 tháng 12 năm 2020 về “*kiếu kiện quyết định hành chính thu hồi, bồi thường về đất*”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 18/2020/HC-ST ngày 08-9-2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 780/2021/QĐ-PT ngày 01 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Trần N, sinh năm 1948 và bà Phí Thị T, sinh năm 1950; địa chỉ: thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Bà Phí Thị T, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Trần Ngọc Q - Luật sư, Văn phòng luật sư D, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Phú Yên, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Người bị kiện:

- Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên;

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Lương S, chức vụ - Phó Chủ tịch, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Bà Nguyễn Thị Phương T, chức vụ - Phó Trưởng phòng Tài nguyên và môi trường thành phố T, tỉnh Phú Yên, có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố T, tỉnh Phú Yên: Người đại diện theo ủy quyền, bà Nguyễn Thị Xuân Đ, chức vụ - Phó Giám đốc, có mặt.

- Ủy ban nhân dân xã B, thành phố T, tỉnh Phú Yên: Người đại diện theo ủy quyền, ông Nguyễn Thái P, chức vụ - Công chức Địa chính, xây dựng, vắng mặt.

- Ông Ngô Hồng Đ, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn T, xã B, thành phố T, tỉnh Phú Yên, vắng mặt.

Người kháng cáo: Ông Trần N, bà Phí Thị T.

NỘI DUNG:

1. Theo đơn khởi kiện, trình bày của người khởi kiện và của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện, thể hiện:

Vợ chồng ông Trần N, bà Phí Thị T là người có đất bị Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố T thu hồi để làm công trình Quân chủng Hải quân. Diện tích đất bị thu hồi tọa lạc tại thôn T, xã B, thành phố T. UBND thành phố T thu hồi đất nhưng bồi thường cho vợ chồng ông N, bà T không đầy đủ, cụ thể: Diện tích 5.384,4m² bao gồm thửa đất số 134, diện tích 4.379,3m² và thửa đất số 129, diện tích 1.005,1m² là do vợ ông N, bà T khai hoang vào năm 1987 và sử dụng trồng cây và hoa màu ổn định, liên tục cho đến khi Nhà nước thu hồi, nhưng UBND thành phố T bồi thường về cây trồng có trên diện tích đất nêu trên mà không bồi thường về đất. Vợ chồng ông N, bà T đã khiếu nại đến cơ quan có thẩm quyền. Ngày 19/6/2017, Chủ tịch UBND thành phố T ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 2544/QĐ-UBND, với nội dung là không chấp nhận bồi thường về đất đối với diện tích 5.384,4m² nêu trên. Do đó, vợ chồng ông Trần N, bà Phí Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án:

- Hủy Quyết định số 2837/QĐ-UBND ngày 05/5/2016 của Chủ tịch UBND thành phố T “*V/v chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông Trần N trúng giải tỏa Dự án: Xây dựng vị trí đóng quân Đoàn tên lửa bờ/Quân chủng Hải quân tại tỉnh Phú Yên*”.

- Hủy Quyết định số 2544/QĐ-UBND ngày 19/6/2017 của UBND thành phố T “*V/v giải quyết đơn khiếu nại của ông Trần N-Địa chỉ thôn T, xã B, thành phố T (lần đầu)*”.

- Buộc UBND thành phố T, tỉnh Phú Yên lập phương án thu hồi, bồi thường về đất đối với diện tích 5.468,7m², tại thửa đất số 134 (diện tích 4.463,6m²) và thửa 129 (diện tích 1.005,1m²) theo đúng quy định khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự

án: Xây dựng vị trí đóng quân Đoàn tên lửa bờ/Quân chủng Hải quân tại Phú Yên cho ông vợ chồng ông Trần N, bà Phí Thị T theo đúng quy định của pháp luật.

2. Người bị kiện UBND thành phố T và Chủ tịch UBND thành phố T trình bày, thể hiện:

Thửa đất số 134, diện tích 4.463,6m² đối chiếu Bản đồ địa chính lập năm 1994 và Sổ địa chính lập năm 1998 là thửa số 735, tờ bản đồ 206A, diện tích 110.500m², loại đất núi do UBND xã B quản lý. Diện tích đất này là dải đất bao bọc nhiều thửa đất rừng sản xuất nhằm phục vụ cho việc đi lại, sản xuất của nhiều hộ gia đình. Trên thửa 134 do UBND xã B quản lý (có một phần thửa đất giáp ranh thửa 353) do ông N có trồng 6 cây bạch đàn loại nguyên sinh KTCB trên 5 năm, có đường kính >10cm, 03 cây dúi trên 4 năm, nên đã được bồi thường về cây trồng. Việc ông Trần N yêu cầu bồi thường về đất đối với thửa đất số 134 là không có cơ sở.

Thửa đất số 129, tờ bản đồ 19, diện tích 1.005,1m², loại đất BHK là do UBND xã B quản lý (theo Bản đồ địa chính lập năm 1994 là thửa 455, tờ bản đồ số 206A, diện tích 1.005m², loại đất công ích xã thể hiện tại Sổ địa chính trang 34, bộ 1, quyển 27 ký duyệt năm 1998). Như vậy, việc ông Trần N đề nghị bồi thường thửa 129 là không đúng.

Như vậy, khi thực hiện dự án: Xây dựng vị trí đóng quân Đoàn tên lửa bờ/Quân chủng Hải quân tại Phú Yên, ông Trần N không phải là đối tượng bị thu hồi đất tại các thửa 134 và 129. Nên việc ông N, bà T khiếu kiện yêu cầu được bồi thường về đất đối với các thửa đất nêu trên là không có căn cứ.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. UBND xã B trình bày: Thống nhất theo quan điểm giải quyết của UBND thành phố T.

3.2. Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố T trình bày: Thống nhất theo quan điểm giải quyết của Chủ tịch UBND thành phố T.

3.3. Ông Ngô Hồng Đ trình bày:

Thửa 165, tờ bản đồ số 19 là thửa đất Nhà nước giao cho gia đình tôi theo Nghị định 64/CP và thửa này đã được UBND thành phố cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số AQ 057341 ngày 10/12/2009, có diện tích 2.552,8m², loại đất RSX. Thửa đất này đã được Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố T tính toán, bồi thường, hỗ trợ cho gia đình tôi đúng quy định và tôi không có khiếu nại gì.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 18/2020/HC-ST ngày 08/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên đã quyết định:

Áp dụng Điều 30; Điều 32; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 194; Điều 348 của Luật Tổ tụng hành chính. Khoản 2 Điều 9; khoản 1 Điều 75; điểm d khoản 1 Điều 76; khoản 1 Điều 82; khoản 2 Điều 77 Luật Đất đai năm 2013. Khoản 2 Điều 32 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí. Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện vợ chồng ông Trần N, bà Phí Thị T về việc:

Hủy một phần Quyết định số 2544/QĐ-UBND ngày 19/6/2017 của UBND thành phố T “*V/v giải quyết đơn khiếu nại của ông Trần N-địa chỉ thôn T, xã B, thành phố T (lần đầu)*” đối với diện tích đất có 16 cây bạch đàn và 03 cây dúi thuộc thửa đất 134 (theo mảnh trích đo chỉnh lý địa chính số 19-2015 đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Yên phê duyệt).

Hủy một phần Quyết định số 2768/QĐ-UBND ngày 29/4/2016 của UBND thành phố T “*V/v thu hồi đất để thực hiện dự án: Xây dựng vị trí đóng quân Đoàn tên lửa bờ/Quân chủng Hải quân tại tỉnh Phú Yên*” đối với phần diện tích đất có 16 cây bạch đàn và 03 cây dúi thuộc thửa đất 134 (theo mảnh trích đo chỉnh lý địa chính số 19-2015 đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Yên phê duyệt).

Buộc UBND thành phố T, tỉnh Phú Yên lập phương án thu hồi, bồi thường về đất đối với diện tích đất có 16 cây bạch đàn và 03 cây dúi thuộc thửa đất 134 (theo mảnh trích đo chỉnh lý địa chính số 19-2015 đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Yên phê duyệt) theo đúng quy định của pháp luật đất đai.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện vợ chồng ông Trần N, bà Phí Thị T đối với yêu cầu:

Buộc UBND thành phố T, tỉnh Phú Yên lập phương án thu hồi, bồi thường về đất đối với diện tích 1.005,1m² tại thửa đất 129 (theo mảnh trích đo chỉnh lý địa chính số 19-2015 đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Yên phê duyệt) khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Xây dựng vị trí đóng quân Đoàn tên lửa bờ/Quân chủng Hải quân tại Phú Yên cho vợ chồng ông Trần N, bà Phí Thị T. Vì không có căn cứ pháp luật.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 23/9/2020, ông Trần N, bà Phí Thị T kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Phí Thị T trình bày giữ nguyên đơn khởi kiện và kháng cáo. Bà T thống nhất việc người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm và gửi luận cứ bảo vệ. Bà T đề nghị xem xét diện tích đất cụ thể của gia đình bà được bồi thường, để có phương án bồi thường. Đề nghị chấp nhận kháng

cáo của bà và yêu cầu bồi thường diện tích đất tại thửa số 134 và thửa số 129 theo quy định của pháp luật. Sửa bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày:

Thửa đất số 129, tờ bản đồ 19, diện tích 1.005,1m², loại đất BHK do UBND xã B quản lý (theo Bản đồ địa chính lập năm 1994 là thửa 455, tờ bản đồ số 206A, diện tích 1.005m², loại đất công ích xã thể hiện tại Sổ địa chính trang 34, bộ 1, quyền 27 ký duyệt năm 1998). Do vậy, khi Nhà nước thu hồi đất thì hộ ông Trần N, bà Phí Thị T không được bồi thường về đất.

Thửa đất số 134, đối chiếu Bản đồ địa chính lập năm 1994 và Sổ địa chính lập năm 1998 là thửa số 735, tờ bản đồ 206A, diện tích 110.500m², loại đất núi do UBND xã B quản lý. Trên thửa 134, ông N có trồng 6 cây bạch đàn, 03 cây dúi. Theo Biên bản làm việc ngày 02/3/2021, đại diện UBND, Phòng Tài nguyên và Môi trường, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố T và đại diện UBND xã B và Căn cứ Phụ lục 3 ban hành tại Quyết định 56/2019/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của UBND tỉnh Phú Yên thì diện tích đất trồng 16 cây bạch đàn và 03 cây dúi khoảng 114m² (19 cây x 06m²) sẽ xem xét bồi thường cho ông Trần N, bà Phí Thị T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Thống nhất quan điểm trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm.

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án theo trình tự phúc thẩm đến trước nghị án, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính. Kháng cáo của ông Trần N, bà Phí Thị T là trong thời hạn luật định.

+ Về nội dung vụ án:

Theo hồ sơ địa chính qua các thời kỳ, thửa đất 129 (theo mảnh trích đo chính lý địa chính số 19-2015 đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Yên phê duyệt) thuộc thửa đất số 455, tờ bản đồ số 206A. Đối chiếu Sổ mục kê, quyền số 5 được lưu trữ tại xã B là “*đất công ích*”. Căn cứ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 76; Điều 82 Luật Đất đai năm 2013 thì thửa đất 129 vợ chồng ông Trần N, bà Phí Thị T không đủ điều kiện được bồi thường về đất là đúng pháp luật.

Đối với thửa đất số 134, ông Trần N, bà Phí Thị T yêu cầu bồi thường về đất. Theo hồ sơ địa chính qua các thời kỳ, đối chiếu Sổ mục kê, quyền số 5 của xã B thì thửa đất trên tại mục “*tên người sử dụng đất*” thể hiện là “*đất núi*”. Diện tích đất này, ông N, bà T khai hoang trước 1993 và sử dụng không tranh chấp, có trồng 16 cây bạch đàn và 03 cây dúi. Căn cứ khoản 2 Điều 77 Luật Đất đai năm 2013, thì vợ chồng ông Trần N, bà Phí Thị T đủ điều kiện được bồi thường về diện tích thực tế gia đình ông N, bà T đã trồng 16 cây bạch đàn và 03 cây dúi là có căn cứ. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm lại không xác định diện tích cụ thể ông N, bà T đã trồng 16 cây bạch đàn và 03 cây dúi là bao nhiêu là thiếu sót và khó khăn trong thi hành

án. Tuy nhiên, Tòa án cấp phúc thẩm đã khắc phục được nội dung này và tại phiên tòa phúc thẩm bà T đề nghị xác định rõ tổng diện tích gia đình bà được bồi thường là bao nhiêu m².

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận nội dung kháng cáo của ông Trần N, bà Phí Thị T về việc đề nghị bồi thường về đất đối với toàn bộ diện tích đất 02 thửa 129 và 134. Sửa một phần bản án theo hướng tuyên rõ diện tích đất ông N, bà T được bồi thường do thực tế đã sử dụng để trồng 16 cây bạch đàn và 03 cây dúi là 114m².

Sau khi nghe đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự trình bày; ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên; căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án; sau khi thảo luận, nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

Ngày 23/9/2020, ông Trần N, bà Phí Thị T kháng cáo Bản án hành chính sơ thẩm số 18/2020/HC-ST ngày 08/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên. Như vậy, kháng cáo của ông Trần N, bà Phí Thị T là trong thời hạn luật định, do vậy được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết và thời hiệu khởi kiện:

Ngày 29/4/2016, UBND thành phố T ban hành Quyết định số 2768/QĐ-UBND “V/v thu hồi đất để thực hiện dự án: Xây dựng vị trí đóng quân Đoàn tên lửa bờ/Quân chủng Hải quân tại tỉnh Phú Yên”.

Ngày 05/5/2016, Chủ tịch UBND thành phố T ban hành Quyết định số 2837/QĐ-UBND “V/v chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông Trần N trúng giải tỏa Dự án: Xây dựng vị trí đóng quân Đoàn tên lửa bờ/quân chủng Hải quân tại tỉnh Phú Yên”.

Ngày 18/5/2016, ông Trần N khiếu nại Quyết định số 2837/QĐ-UBND ngày 05/5/2016 của Chủ tịch UBND thành phố T.

Ngày 19/6/2017, UBND thành phố T ban hành Quyết định số 2544/QĐ-UBND “về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Trần N-địa chỉ thôn T, xã B, thành phố T (lần đầu)”, quyết định: “Không công nhận toàn bộ nội dung khiếu nại của ông Trần N...”.

Ngày 19/7/2017, ông Trần N và bà Phí Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên giải quyết hủy các Quyết định số 2837/QĐ-UBND ngày 05/5/2016, Quyết định số 2544/QĐ-UBND ngày 19/6/2017 và Buộc UBND thành phố T, tỉnh Phú Yên lập phương án thu hồi, bồi thường về đất đối với diện tích đất tại 02 thửa số 129, số 134 cho vợ chồng ông Trần N, bà Phí Thị T. Như vậy, các quyết định hành chính nêu trên được ban hành trong quá trình quản lý Nhà nước về lĩnh vực đất đai là đối tượng khởi kiện, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án

nhân dân tỉnh Phú Yên và trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 30, Điều 32, Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[3] Về nội dung:

[3.1] Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, người khởi kiện tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể là không yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Quyết định số 2837/QĐ-UBND ngày 05/5/2016 của Chủ tịch UBND thành phố T. Do người bị kiện vắng mặt tại phiên tòa, nên không có ý kiến đối với việc người khởi kiện rút một phần nội dung đơn khởi kiện, do đó Tòa án cấp sơ thẩm vẫn xem xét giải quyết là có căn cứ.

[3.2] Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự và chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện: Hủy một phần Quyết định số 2544/QĐ-UBND ngày 19/6/2017 của UBND thành phố T; hủy một phần Quyết định số 2768/QĐ-UBND ngày 29/4/2016 của UBND thành phố T và buộc UBND thành phố T, tỉnh Phú Yên lập phương án thu hồi, bồi thường về đất đối với diện tích đất có 16 cây bạch đàn và 03 cây dúi thuộc thửa đất 134 (theo mảnh trích đo chỉnh lý địa chính số 19-2015 đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Yên phê duyệt) theo đúng quy định của pháp luật. Đồng thời, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện đối với yêu cầu: Buộc UBND thành phố T, tỉnh Phú Yên lập phương án thu hồi, bồi thường về đất đối với diện tích 1.005,1m² tại thửa đất 129 (theo mảnh trích đo chỉnh lý địa chính số 19-2015 đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Yên phê duyệt) khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Xây dựng vị trí đóng quân Đoàn tên lửa bờ/Quân chủng Hải quân tại tỉnh Phú Yên cho vợ chồng ông Trần N, bà Phí Thị T.

Xét thấy:

- Đối với thửa đất số 134 ông Trần N, bà Phí Thị T yêu cầu buộc UBND thành phố T, tỉnh Phú Yên lập phương án thu hồi, bồi thường về đất, đối với diện tích đất có 16 cây bạch đàn và 03 cây dúi: Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, ngày 24/02/2021 Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng ban hành văn bản số 415/CV-TANDCC gửi Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên, với nội dung yêu cầu xác minh, làm rõ diện tích 16 cây bạch đàn và 03 cây dúi được trồng trên diện tích là bao nhiêu m² đất. Kết quả tại Biên bản làm việc ngày 02/3/2021, đại diện UBND, Phòng Tài nguyên và Môi trường, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố T và đại diện UBND xã B thống nhất và cung cấp thông tin với nội dung: "... Căn cứ Phụ lục 3 ban hành tại Quyết định 56/2019/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của UBND tỉnh Phú Yên thì mật độ trồng cây bạch đàn, keo các loại là 1.667cây/ha (01 cây chiếm khoảng diện tích 6m²). Như vậy, 16 cây bạch đàn và 03 cây dúi có trên diện tích đất ông Trần N đang khiếu kiện có tổng diện tích khoảng 114m² (19 cây x 06m²...)".

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, thể hiện: Theo hồ sơ địa chính qua các thời kỳ, thể hiện thửa đất 134 (theo mảnh trích đo chính lý địa chính số 19-2015 đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Yên phê duyệt) thuộc thửa đất số 735, tờ bản đồ số 206A. Theo Sổ mục kê, quyển số 5 của xã B được Giám đốc Sở Tài chính và UBND xã B phê duyệt năm 1998, thể hiện thửa đất 735 tại mục “*tên người sử dụng đất*” là “*đất núi*”, không thể hiện đất do UBND xã quản lý. Diện tích đất này vợ chồng ông N, bà T khai hoang trước năm 1993 và sử dụng liên tục ổn định, không tranh chấp, không bị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về vi phạm đất đai, được thể hiện tại Biên bản xác minh ngày 03/12/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên với ông Nguyễn Thanh Phong là Công chức Địa chính xã B, có nội dung: “... Thời điểm hộ ông Trần N bắt đầu sử dụng đối với diện tích đất đang khiếu kiện thì UBND xã B không nắm rõ. Trong quá trình sử dụng diện tích đất đang khiếu kiện từ trước đến khi thực hiện dự án Xây dựng vị trí đóng quân của Quân chủng Hải quân tại tỉnh Phú Yên, thì UBND xã B không có lập biên bản xử phạt vi phạm hành chính và cũng không có tiếp nhận đơn thư tranh chấp nào của các hộ liên kề đối với diện tích đất nêu trên” (bút lục số 176, 177). Trên diện tích thửa đất 134, ông N, bà T có trồng 16 cây bạch đàn và 03 cây dúi. Đối chiếu quy định tại Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; khoản 1 Điều 75, khoản 2 Điều 77, khoản 4 Điều 129 Luật Đất đai năm 2013, thì vợ chồng ông Trần N, bà Phí Thị T đủ điều kiện được bồi thường về diện tích đất thực tế có trồng cây. Hơn nữa, một số hộ gia đình khác cùng địa phương với vợ chồng ông Trần N, bà Phí Thị T có lời trình bày, thể hiện: “... Họ và vợ chồng ông Trần N, bà Phí Thị T cùng khai hoang, sử dụng đối với một phần diện tích đất tại thửa 735, nhưng họ được bồi thường về đất; còn hộ gia đình ông Trần N, bà Phí Thị T không được bồi thường về đất là không khách quan, công bằng”. Thực tế, vợ chồng ông Trần N, bà Phí Thị T chỉ sử dụng một phần diện tích đất tại thửa 134 để trồng 16 cây bạch đàn và 03 cây dúi và diện tích đất này bị thu hồi theo Quyết định số 2768/QĐ-UBND ngày 29/4/2016. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện: Hủy một phần Quyết định số 2544/QĐ-UBND ngày 19/6/2017 của UBND thành phố T; hủy một phần Quyết định số 2768/QĐ-UBND ngày 29/4/2016 của UBND thành phố T và buộc UBND thành phố T, tỉnh Phú Yên lập phương án thu hồi, bồi thường về đất đối với diện tích đất có 16 cây bạch đàn và 03 cây dúi thuộc thửa đất 134 (theo mảnh trích đo chính lý địa chính số 19-2015 đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Yên phê duyệt) theo đúng quy định của pháp luật là có căn cứ. Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm căn cứ vào kết quả tại Biên bản làm việc ngày 02/3/2021 xác định, diện tích đất trồng 16 cây bạch đàn và 03 cây dúi là 114m² làm căn cứ giải quyết.

- Đối với diện tích 1.005,1m² đất tại thửa đất 129 ông Trần N, bà Phí Thị T yêu cầu buộc UBND thành phố T, tỉnh Phú Yên lập phương án thu hồi, bồi thường

về đất: Tại phiên tòa xét xử phúc thẩm hôm nay, người khởi kiện không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào mới. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, thể hiện: Hồ sơ địa chính qua các thời kỳ, thửa đất 129 (theo mảnh trích đo chỉnh lý địa chính số 19-2015 đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Yên phê duyệt) thuộc thửa đất số 455, tờ bản đồ số 206A. Sổ mục kê, quyền số 5 được Giám đốc Sở Tài chính và UBND xã B phê duyệt năm 1998 hiện xã B đang quản lý, thể hiện: Thửa đất 455 là “*đất công ích*”. Đối chiếu quy định tại điểm d khoản 1 Điều 76; Điều 82 Luật Đất đai năm 2013 thì thửa đất 129 vợ chồng ông Trần N, bà Phí Thị T không đủ điều kiện được bồi thường về đất, mà chỉ được bồi thường cây trồng trên đất. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện đối với yêu cầu: Buộc UBND thành phố T, tỉnh Phú Yên lập phương án thu hồi, bồi thường về đất đối với diện tích 1.005,1m² tại thửa đất 129 (theo mảnh trích đo chỉnh lý địa chính số 19-2015 đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Yên phê duyệt) khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Xây dựng vị trí đóng quân Đoàn tên lửa bờ/Quân chủng Hải quân tại tỉnh Phú Yên cho vợ chồng ông Trần N, bà Phí Thị T là có căn cứ.

[4] Bản án sơ thẩm quyết định chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện đối với diện tích đất trồng 16 cây bạch đàn và 03 cây dúi, nhưng không xác định cụ thể diện tích là bao nhiêu m² để làm căn cứ thi hành bản án là thiếu sót. Tuy nhiên, nội dung này cấp phúc thẩm đã khắc phục được. Hơn nữa, tại phiên tòa xét xử phúc thẩm bà Phí Thị T đề nghị xác định rõ tổng diện tích gia đình bà được bồi thường là bao nhiêu. Do vậy, cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm để điều chỉnh diện tích đất buộc UBND thành phố T, tỉnh Phú Yên lập phương án thu hồi, bồi thường về đất đối với diện tích đất trồng 16 cây bạch đàn và 03 cây dúi thuộc thửa đất 134 (theo mảnh trích đo chỉnh lý địa chính số 19-2015 đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Yên phê duyệt) là 114m² đất để làm căn cứ thu hồi, bồi thường.

[5] Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Trần N, bà Phí Thị T không phải chịu.
Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính, sửa một phần Bản án sơ thẩm.

2. Áp dụng Điều 30; Điều 32; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 194; Điều 348 của Luật Tổ tụng hành chính. Khoản 2 Điều 9; khoản 1 Điều 75; điểm d khoản 1 Điều 76; khoản 1 Điều 82; khoản 2 Điều 77 Luật Đất đai năm 2013. Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện vợ chồng ông Trần N, bà Phí Thị T về việc:

Hủy một phần Quyết định số 2544/QĐ-UBND ngày 19/6/2017 của UBND thành phố T “V/v giải quyết đơn khiếu nại của ông Trần N-địa chỉ thôn T, xã B, thành phố T (lần đầu)” đối với diện tích đất có 16 cây bạch đàn và 03 cây dúi thuộc thửa đất 134 (theo mảnh trích đo chỉnh lý địa chính số 19-2015 đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Yên phê duyệt) là 114m² đất.

Hủy một phần Quyết định số 2768/QĐ-UBND ngày 29/4/2016 của UBND thành phố T “V/v thu hồi đất để thực hiện dự án: Xây dựng vị trí đóng quân Đoàn tên lửa bờ/Quân chủng Hải quân tại tỉnh Phú Yên” đối với phần diện tích đất có 16 cây bạch đàn và 03 cây dúi thuộc thửa đất 134 (theo mảnh trích đo chỉnh lý địa chính số 19-2015 đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Yên phê duyệt) là 114m² đất.

Buộc UBND thành phố T, tỉnh Phú Yên lập phương án thu hồi, bồi thường về đất đối với diện tích 114m² trồng 16 cây bạch đàn và 03 cây dúi thuộc thửa đất 134 (theo mảnh trích đo chỉnh lý địa chính số 19-2015 đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Yên phê duyệt) theo đúng quy định của pháp luật.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện vợ chồng ông Trần N, bà Phí Thị T đối với yêu cầu:

Buộc UBND thành phố T, tỉnh Phú Yên lập phương án thu hồi, bồi thường về đất đối với diện tích 1.005,1m² tại thửa đất 129 (theo mảnh trích đo chỉnh lý địa chính số 19-2015 đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Yên phê duyệt) khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Xây dựng vị trí đóng quân Đoàn tên lửa bờ/Quân chủng Hải quân tại tỉnh Phú Yên cho vợ chồng ông Trần N, bà Phí Thị T. Vì không có căn cứ pháp luật.

3. Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Trần N, bà Phí Thị T không phải chịu.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

(Đã ký)

Vũ Thanh Liêm

Nguyễn Tấn Trường

Trần Quốc Cường